

An Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH AN GIANG
(Từ ngày 21/4 đến ngày 30/4/2026)**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua (Từ ngày 11÷20/4/2026)

Trong tuần qua, mực nước khu vực thượng nguồn sông Mekong xuống chậm. Đến 7h ngày 21/4, mực nước tại Kratie ở mức 7.82m, xuống khoảng 0.60m so với tuần trước. Lưu lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long qua hai trạm Tân Châu và Châu Đốc giảm khoảng 1800m³/s so với đầu tuần trước, ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 12-35%.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên, mực nước lên theo kỳ triều đầu tháng Ba Âm Lịch, mực nước cao nhất tuần qua trên các sông, kênh hầu hết đều thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-30cm, cao hơn TBNN từ 15-35cm; mực nước thấp nhất thấp tuần đều thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-25cm.

Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Thời tiết trên khu vực trong tuần qua phổ biến không mưa, mực nước trên các kênh, rạch nội đồng đều xuống chậm và duy trì ở mức thấp, mực nước cao nhất và thấp nhất tuần đều thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-45cm.

Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên theo triều, trong rạng sáng ngày 17/4 xuất hiện nước dâng khoảng 25cm trên khu vực này; mực nước lớn nhất và nhỏ nhất tuần qua ở mức thấp hơn từ 05-10cm so với cùng kỳ năm 2025 và xấp xỉ cùng kỳ TBNN.

Tình hình xâm nhập mặn: Xâm nhập mặn khu vực sông Cái Lớn, Cái Bé có xu thế lên nhanh từ ngày 13/4 và đạt mức cao nhất tuần từ ngày 18-20/4. Độ mặn cao nhất tuần qua ở mức cao hơn so với tuần trước từ 2.6-8.8‰; thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 1.6-14.3‰. Trên kênh Cái Sắn, độ mặn cao nhất tuần đạt mức 14.7‰ (ngày 16/4) sau đó giảm dần đến cuối tuần.

2. Dự báo, cảnh báo thủy văn (Từ ngày 21÷30/4/2026)

Trong tuần cuối tháng 04/2026, mực nước thượng nguồn sông Mekong khu vực từ dưới Kratie có xu thế biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế xuống chậm, ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20%.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên, mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông, mực nước cao nhất và thấp nhất hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-15cm.

Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên chậm. Mực nước cao nhất, thấp nhất và trung bình trong tuần thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-20cm và phổ biến cao hơn TBNN từ 05-10cm.

Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước đỉnh triều lên chậm theo xu thế triều biển Tây, đỉnh triều cao nhất tuần có khả năng xuất hiện từ ngày 22-23/4, ở mức xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2025.

Trong 5 ngày tiếp theo, mực nước tại các trạm khu vực đầu nguồn sông Cửu Long lên chậm theo xu thế triều biển Đông; khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm; vùng cửa sông mực nước xuống chậm.

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng xâm nhập mặn khu vực cửa sông Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt các xã Bình An, Tây Yên, Gò Quao, Châu Thành, Vĩnh Hòa, Vĩnh Hoà Hưng, Vĩnh Thuận... trong những ngày triều cường và nước dâng. Nguy cơ xuất hiện hiện tượng sạt lở bờ sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trong khu vực nội đồng TGLX do tác động của dòng chảy và biên độ mực nước dao động lớn trong ngày.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 16h00 ngày 01/5/2026

Tin phát lúc: 16h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị đo: Cm

Sông/ kênh/ rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Đặc trung	Mực nước thực đo				Mực nước dự báo			
		BD I	BD II	BD III		từ ngày 11/4 đến ngày 20/4/2026				từ ngày 21/04 đến ngày 30/04/2026			
						Trị số	Ngày xuất hiện	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	Ngày xuất hiện	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN
Sông Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	129	20/04	-7 ▼	14 ▲	127	05/04	-18 ▼	19 ▲
					Hmin	-57	13/04	-22 ▼	-29 ▼	-51	10/04	3 ▲	-22 ▼
					Htb	37		-20 ▼	-13 ▼	65		19 ▲	18 ▲
Rạch Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	139	20/04	-6 ▼	22 ▲	137	05/04	-16 ▼	29 ▲
					Hmin	-71	13/04	-21 ▼	-18 ▼	-65	10/04	7 ▲	-9 ▼
					Htb	38		-22 ▼	-6 ▼	40		-6 ▼	1 ▼
Sông Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	107	20/04	-10 ▼	-3 ▼	105	05/04	-17 ▼	-3 ▼
					Hmin	-25	12/04	-31 ▼	-21 ▼	9	10/04	35 ▲	16 ▲
					Htb	47		-25 ▼	-17 ▼	63		9 ▲	4 ▲
	Châu Độc	300	350	400	Hmax	145	20/04	-9 ▼	23 ▲	143	05/04	-21 ▼	29 ▲
					Hmin	-65	13/04	-29 ▼	-29 ▼	-57	10/04	5 ▲	-20 ▼
					Htb	44		-26 ▼	-9 ▼	70		14 ▲	22 ▲
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	158	19/04	-6 ▼	33 ▲	156	05/04	-18 ▼	40 ▲
					Hmin	-63	13/04	-19 ▼	-1 ▼	-65	10/04	3 ▲	1 ▼
					Htb	52		-21 ▼	8 ▲	50		-9 ▼	12 ▲
Sông Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	141	20/04	-8 ▼	18 ▲	139	05/04	-18 ▼	26 ▲
					Hmin	-66	12/04	-18 ▼	-21 ▼	-64	10/04	5 ▲	-16 ▼
					Htb	41		-23 ▼	-9 ▼	41		-8 ▼	-3 ▼
Kênh Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	18	11/04	-33 ▼	-22 ▼	45	05/04	4 ▲	8 ▲
					Hmin	-20	13/04	-28 ▼	-10 ▼	-12	10/04	-9 ▼	0 ▼
					Htb	-1		-30 ▼	-17 ▼	17		-4 ▼	4 ▲
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	7	11/04	-33 ▼	-23 ▼	16	10/04	-17 ▼	-9 ▼
					Hmin	-7	14/04	-24 ▼	-18 ▼	-1	08/04	-14 ▼	-9 ▼
					Htb	-2		-30 ▼	-23 ▼	6		-15 ▼	-9 ▼
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	16	11/04	-32 ▼	-33 ▼	26	10/04	-15 ▼	-16 ▼
					Hmin	1	12/04	-25 ▼	-23 ▼	9	08/04	-12 ▼	-10 ▼
					Htb	7		-29 ▼	-29 ▼	16		-13 ▼	-13 ▼
Kênh T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	17	11/04	-31 ▼	-30 ▼	26	10/04	-17 ▼	-14 ▼
					Hmin	3	12/04	-25 ▼	-18 ▼	11	08/04	-12 ▼	-5 ▼
					Htb	8		-30 ▼	-25 ▼	17		-14 ▼	-9 ▼
Kênh T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	25	11/04	-30 ▼	-26 ▼	33	10/04	-18 ▼	-12 ▼
					Hmin	9	12/04	-25 ▼	-18 ▼	18	08/04	-12 ▼	-5 ▼
					Htb	16		-29 ▼	-21 ▼	25		-13 ▼	-6 ▼
	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	20	20/04	-38 ▼	-21 ▼	36	10/04	-11 ▼	-3 ▼
					Hmin	-19	12/04	-27 ▼	-14 ▼	-2	08/04	-2 ▼	6 ▲

Kênh Tri Tôn	Cô Tô	140	180	220	Htb	0		-31	▼	-17	▼	17		-5	▼	2	▲
					Hmax	33	20/04	-39	▼	-3	▼	60	10/04	-2	▼	28	▲
					Hmin	7	13/04	-25	▼	-5	▼	21	08/04	-5	▼	11	▲
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Htb	20		-30	▼	-3	▼	41		0	◀▶	21	▲
					Hmax	25	20/04	-43	▼	-29	▼	45	10/04	-11	▼	1	◀▶
					Hmin	10	13/04	-23	▼	-11	▼	19	08/04	-8	▼	3	▲
Kênh Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Htb	17		-31	▼	-19	▼	31		-6	▼	0	◀▶
					Hmax	22	20/04	-18	▼	-2	▼	35	10/04	2	▲	14	▲
					Hmin	-3	13/04	-14	▼	-5	▼	12	08/04	5	▲	14	▲
Kênh Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Htb	9		-17	▼	-3	▼	23		5	▲	14	▲
					Hmax	52	20/04	-39	▼	-4	▼	75	10/04	-4	▼	23	▲
					Hmin	22	13/04	-19	▼	5	▲	38	08/04	5	▲	22	▲
Kênh Núi Chóc Năng	Vĩnh Hanh	190	230	270	Htb	37		-29	▼	1	◀▶	56		3	▲	24	▲
					Hmax	90	20/04	-21	▼	16	▲	110	10/04	6	▲	38	▲
					Hmin	10	12/04	-27	▼	-5	▼	37	08/04	17	▲	23	▲
Kênh Rạch Giá - Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Htb	48		-26	▼	1	◀▶	72		10	▲	28	▲
					Hmax	54	20/04	-32	▼	-5	▼	65	10/04	-9	▼	7	▲
					Hmin	6	14/04	-27	▼	-15	▼	28	08/04	7	▲	11	▲
	Tân Thành	120	150	180	Htb	30		-28	▼	-11	▼	47		0	◀▶	10	▲
					Hmax	37	20/04	-36	▼	-21	▼	55	10/04	-7	▼	3	▲
					Hmin	9	12/04	-24	▼	-14	▼	23	08/04	0	◀▶	5	▲
Kênh Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Htb	21		-29	▼	-19	▼	37		-2	▼	3	▲
					Hmax	22	11/04	-32	▼	-15	▼	40	10/04	-7	▼	5	▲
					Hmin	-1	12/04	-22	▼	-1	◀▶	11	08/04	0	◀▶	13	▲
Sông Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Htb	8		-27	▼	-9	▼	23		-3	▼	8	▲
					Hmax	6	11/04	-30	▼	-37	▼	23	05/04	-6	▼	-15	▼
					Hmin	-24	18/04	-9	▼	9	▲	-11	06/04	10	▲	26	▲
Sông Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Htb	-7		-19	▼	-7	▼	8		5	▲	12	▲
					Hmax	67	19/04	4	▲	14	▲	68	05/04	1	◀▶	14	▲
					Hmin	-42	19/04	-5	▼	2	▲	-45	06/04	6	▲	3	▲
					Htb	-2		-5	▼	3	▲	-3		1	◀▶	4	▲

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





